

Số: 2586/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên đại học
chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/09/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-ĐHNH-HĐT Ngày 05/04/2024 về việc sắp xếp tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 311/TB-ĐHNH, ngày 31/03/2021 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trường Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo cho 90 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần chất lượng cao.

(Danh sách đính kèm)



Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*

PGS, TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
TIẾNG ANH BÀN PHẦN (CLC) ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CHUẨN
ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2025



(Ban hành kèm theo Quyết định: 2586/QĐ-ĐHNH, ngày 08 tháng 7 năm 2025
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050609210079	Phan Thế	Anh	05/11/2003	HQ9-GE19	4/6			
2	050610220040	Nguyễn Trần Phúc	Anh	09/10/2004	HQ10-GE12	4/6			
3	050608200010	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	28/05/2002	HQ8-GE05	4/6			
4	050610220792	Lê Phương	Anh	04/11/2004	HQ10-GE26	4/6			
5	050611230102	Trương Ngọc	Ánh	06/05/2005	HQ11-BAF15	4/6			
6	050609210128	Nguyễn Gia	Bảo	08/03/2003	HQ9-GE19				975+360
7	050608200251	Vũ Như	Bình	05/05/2002	HQ8-GE09		7.5		
8	050611230123	Đường Y	Bình	18/09/2005	HQ11-BAF02	4/6			
9	050611230142	Trịnh Hoàng Phương	Châm	10/12/2005	HQ11-ACC04	4/6			
10	050611230144	Dương Ngọc Minh	Châu	29/05/2005	HQ11-ACC01			74	
11	050609211853	Kiều Minh	Châu	13/12/2003	HQ9-GE08	4/6			
12	050611230143	Đặng Ngọc	Châu	28/01/2005	HQ11-BAF21		5.5		
13	050609211875	Nguyễn Trần Bảo	Duy	03/03/2003	HQ9-GE20	4/6			
14	050609211873	Nguyễn Nhật	Duy	06/06/2003	HQ9-GE20	4/6			
15	050610220865	Huỳnh Khánh	Duy	15/10/2004	HQ10-GE03	4/6			
16	050609211888	Trần Hoàng Hải	Đặng	28/05/2003	HQ9-GE10	4/6			
17	050609210296	Nguyễn Thị Hương	Giang	22/08/2003	HQ9-GE20	4/6			
18	050611230263	Trần Tuấn	Giang	16/02/2005	HQ11-BAF04	4/6			
19	050610220906	Đinh Hoàng Đức	Hải	07/01/2004	HQ10-GE03	4/6			
20	050610220148	Lê Thị Mỹ	Hạnh	30/07/2004	HQ10-GE05	4/6			
21	050609210379	Nguyễn Thị Thu	Hằng	15/11/2003	HQ9-GE20	4/6			
22	050611230305	Phan Gia	Hân	03/07/2005	HQ11-MAG04		6.0		
23	050609210368	Phan Thị Ngọc	Hân	01/08/2003	HQ9-GE11	4/6			
24	050609211941	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/11/2003	HQ9-GE06	4/6			
25	050609211942	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19/02/2003	HQ9-GE20	4/6			
26	050611230426	Lê Minh	Huy	04/04/2005	HQ11-BAF03	4/6			
27	050611230388	Bùi Vĩnh	Hưng	01/01/2005	HQ11-BAF12	4/6			
28	050610220220	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	27/02/2004	HQ10-GE06	4/6			



STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050608200392	Đoàn Hữu Vân	Khanh	26/08/2002	HQ8-GE01				905+330
30	050609212021	Nguyễn Thị Bích	Loan	04/10/2003	HQ9-GE22	4/6			
31	050609212031	Võ Thị Trúc	Ly	06/10/2003	HQ9-GE11	4/6			
32	050611230628	Lê Thị Xuân	Mai	18/03/2005	HQ11-MAG04	4/6			
33	050611230631	Phạm Ngọc Phương	Mai	24/07/2005	HQ11-BAF08	4/6			
34	050611230634	Trương Thị Ngọc	Mai	02/08/2005	HQ11-BAF15	4/6			
35	050609210731	Nguyễn Huy	Mạnh	10/07/2003	HQ9-GE07		6.0		
36	050609210780	Lai Ngọc	My	30/11/2003	HQ9-GE01	4/6			
37	050609212051	Nguyễn Như Đông	Mỹ	25/11/2003	HQ9-GE04	4/6			
38	050611230702	Nguyễn Văn Hoài	Nam	23/01/2005	HQ11-MAG03	4/6			
39	050607190378	Lê Huyền	Ni	14/04/2001	HQ7-GE11	4/6			
40	050608200466	Ngô Bảo	Ngân	02/05/2002	HQ8-GE02	4/6			
41	050608200467	Nguyễn Hiếu	Ngân	08/07/2002	HQ8-GE17				820+280
42	050608200103	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/2002	HQ8-GE14	4/6			
43	050611230747	Phạm Thanh	Ngân	01/02/2005	HQ11-BAF11	4/6			
44	050610221145	Phan Hoàng Thảo	Nguyên	22/03/2004	HQ10-GE12	4/6			
45	050609212081	Hà Hải	Nguyệt	07/07/2003	HQ9-GE23	4/6			
46	050608200504	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	09/06/2002	HQ8-GE09			78	
47	050609211001	Dương Thị Yến	Nhi	27/06/2003	HQ9-GE04	4/6			
48	050608200521	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Nhi	15/04/2002	HQ8-GE05		5.5		
49	050610221188	Trần Thị Ngọc	Nhi	10/01/2004	HQ10-GE03	4/6			
50	050609211011	Nguyễn Yến	Nhi	22/10/2003	HQ9-GE12	4/6			
51	050609210974	Ngô Minh	Nhi	25/05/2003	HQ9-GE16	4/6			
52	050608200550	Trần Thanh	Như	01/09/2002	HQ8-GE03	4/6			
53	050609212134	Phạm Ngô An	Phú	27/06/2003	HQ9-GE24	4/6			
54	050609211160	Đặng Kiều Hoài	Phương	25/07/2003	HQ9-GE11		6.0		
55	030633170924	Lê Thị Ngọc	Phượng	30/01/1999	HQ5-GE06	4/6			
56	050609212152	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2003	HQ9-GE24	4/6			
57	050609211191	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	10/03/2003	HQ9-GE03	4/6			
58	050609212158	Nguyễn Ngọc	Quyên	21/11/2003	HQ9-GE25	4/6			
59	050610220492	Đỗ Lê Xuân	Quỳnh	02/08/2004	HQ10-GE19				785+320
60	050609211231	Lê Thị Diễm	Quỳnh	13/07/2003	HQ9-GE25	4/6			
61	050609211230	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	18/04/2003	HQ9-GE25	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050609211277	Huỳnh Hiếu	Tâm	08/04/2003	HQ9-GE25	4/6			
63	050609211281	Thái Thanh	Tân	26/08/2003	HQ9-GE25	4/6			
64	050611231289	Nguyễn Thủy	Tiên	21/02/2005	HQ11-BAF17	4/6			
65	050611231283	Nguyễn Lê Thuỷ	Tiên	17/05/2005	HQ11-BAF07	4/6			
66	050611231296	Trần Thế	Tiến	30/09/2005	HQ11-MAG02	4/6			
67	050611231126	Lữ Thanh	Thanh	23/07/2005	HQ11-MAG05	4/6			
68	050607190473	Lê Thị Thu	Thảo	12/12/2001	HQ7-GE08	4/6			
69	050609212195	Nguyễn Thu	Thảo	15/04/2003	HQ9-GE17	4/6			
70	050607190495	Thượng Minh	Thuận	16/05/2001	HQ7-GE09	4/6			
71	050611231261	Nguyễn Hải Phương	Thủy	26/03/2005	HQ11-BAF04	4/6			
72	050609212223	Vũ Thái Phương	Thùy	06/03/2003	HQ9-GE17	4/6			
73	050607190497	Lê Minh	Thùy	07/01/2001	HQ7-GE08			67	
74	050610220574	Nguyễn Hoàng Phươn	Thùy	06/01/2004	HQ10-GE07	4/6			
75	050606180388	Phan Lê Phương	Thúy	20/10/2000	HQ6-GE12	4/6			
76	050609211401	Lê Trần Anh	Thư	10/06/2003	HQ9-GE07	4/6			
77	050609211422	Bùi Thị Minh	Thư	13/02/2003	HQ9-GE26	4/6			
78	050609212229	Đặng Thị Minh	Thư	06/12/2003	HQ9-GE02	4/6			
79	050611231278	Phan Lê Anh	Thy	21/09/2005	HQ11-BAF10	4/6			
80	050611231400	Nguyễn Thu	Trang	04/10/2005	HQ11-ACC02	4/6			
81	050609211602	Nguyễn Xuân	Trúc	13/02/2003	HQ9-GE27	4/6			
82	050609211597	Hoàng Thanh	Trúc	10/02/2003	HQ9-GE07	4/6			
83	050611231519	Hồ Phúc Tường	Vân	24/10/2005	HQ11-BAF16	4/6			
84	050608200196	Võ Tường	Vi	15/03/2002	HQ8-GE08	4/6			
85	050608200788	Từ Thị Nhật	Vy	26/04/2002	HQ8-GE15	4/6			
86	050608200779	Lê Uyên Khánh	Vy	19/05/2001	HQ8-GE04	4/6			
87	050610221560	Nguyễn Tường	Vy	22/11/2004	HQ10-GE22			72	
88	030336200328	Bùi Ngọc Thảo	Vy	01/02/2002	HQ8-GE04	4/6			
89	050609211736	Nguyễn Khả	Vy	06/09/2003	HQ9-GE18	4/6			
90	050610221568	Võ Gia Khả	Vy	23/02/2004	HQ10-GE23			77	

Tổng số: 90 sinh viên



STATE BANK OF VIETNAM

HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

No: 2586 /QĐ-ĐHNH

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Ho Chi Minh City, June 08, 2025

DECISION

Regarding the recognition of meeting the English proficiency graduation requirement for full-time undergraduate students enrolled in the partial English program (CLC) in June 2025

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024), by the Chairman of the University Council on promulgating the Regulation on functions, tasks, powers, and organizational structure of the units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Resolution No. 35/NQ-ĐHNH-HĐT (April 5, 2024) on the reorganization and renaming of several units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on organization and management of undergraduate training at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on the organization and implementation of the high-quality, partially English-taught, and special undergraduate training programs at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Announcement No. 311/TB-ĐHNH (March 31th, 2021) on the application of foreign language graduation requirements for full-time undergraduate high-quality programs

Considering the English certificates submitted by students and the recommendation of the Head of the Academic Affairs Office.

DECISION:

Article 1: Recognition of meeting the English proficiency graduation requirement as specified in the training program for 90 full-time undergraduate students enrolled in the high-quality partial English program.

(List attached)

Article 2: Related units shall coordinate implementation according to Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH (May 8, 2019) by the Rector on promulgating the Regulation on grading management on the Academic Management Software System.



Article 3: The Chief of Office, Head of the Academic Affairs Office, Head of the Testing and Quality Assurance Office, and the students listed in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- As Article 3;
- Testing & Quality Assurance office.
- General Administration Office
- , High-Quality Program Committee.

RECTOR 

(Signed)

Nguyen Duc Trung

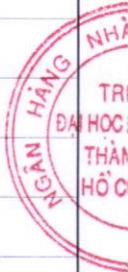


**LIST OF FULL-TIME UNDERGRADUATE STUDENTS IN THE HIGH-QUALITY PARTIAL
ENGLISH PROGRAM (CLC) RECOGNIZED FOR MEETING THE ENGLISH PROFICIENCY
GRADUATION REQUIREMENT – JUNE 2025 SESSION**

Issued together with Decision No. 2586/QĐ-ĐHNH, dated 08 / 7 /2025 by the Rector of Banking University of Ho Chi Minh City



NO.	STUDENT ID	FULL NAME	DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050609210079	Phan Thế Anh	05/11/2003	HQ9-GE19	4/6			
2	050610220040	Nguyễn Trần Phúc Anh	09/10/2004	HQ10-GE12	4/6			
3	050608200010	Nguyễn Ngọc Minh Anh	28/05/2002	HQ8-GE05	4/6			
4	050610220792	Lê Phương Anh	04/11/2004	HQ10-GE26	4/6			
5	050611230102	Trương Ngọc Ánh	06/05/2005	HQ11-BAF15	4/6			
6	050609210128	Nguyễn Gia Bảo	08/03/2003	HQ9-GE19				975+360
7	050608200251	Vũ Như Bình	05/05/2002	HQ8-GE09		7.5		
8	050611230123	Đường Y Bình	18/09/2005	HQ11-BAF02	4/6			
9	050611230142	Trịnh Hoàng Phương Châm	10/12/2005	HQ11-ACC04	4/6			
10	050611230144	Dương Ngọc Minh Châu	29/05/2005	HQ11-ACC01			74	
11	050609211853	Kiều Minh Châu	13/12/2003	HQ9-GE08	4/6			
12	050611230143	Đặng Ngọc Châu	28/01/2005	HQ11-BAF21		5.5		
13	050609211875	Nguyễn Trần Bảo Duy	03/03/2003	HQ9-GE20	4/6			
14	050609211873	Nguyễn Nhật Duy	06/06/2003	HQ9-GE20	4/6			
15	050610220865	Huỳnh Khánh Duy	15/10/2004	HQ10-GE03	4/6			
16	050609211888	Trần Hoàng Hải Đăng	28/05/2003	HQ9-GE10	4/6			
17	050609210296	Nguyễn Thị Hương Giang	22/08/2003	HQ9-GE20	4/6			
18	050611230263	Trần Tuấn Giang	16/02/2005	HQ11-BAF04	4/6			
19	050610220906	Đinh Hoàng Đức Hải	07/01/2004	HQ10-GE03	4/6			
20	050610220148	Lê Thị Mỹ Hạnh	30/07/2004	HQ10-GE05	4/6			
21	050609210379	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/11/2003	HQ9-GE20	4/6			
22	050611230305	Phan Gia Hân	03/07/2005	HQ11-MAG04		6.0		
23	050609210368	Phan Thị Ngọc Hân	01/08/2003	HQ9-GE11	4/6			
24	050609211941	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/11/2003	HQ9-GE06	4/6			
25	050609211942	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/02/2003	HQ9-GE20	4/6			
26	050611230426	Lê Minh Huy	04/04/2005	HQ11-BAF03	4/6			
27	050611230388	Bùi Vĩnh Hưng	01/01/2005	HQ11-BAF12	4/6			
28	050610220220	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	27/02/2004	HQ10-GE06	4/6			



NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERTIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050608200392	Đoàn Hữu Vân	Khanh	26/08/2002	HQ8-GE01				905+330
30	050609212021	Nguyễn Thị Bích	Loan	04/10/2003	HQ9-GE22	4/6			
31	050609212031	Võ Thị Trúc	Ly	06/10/2003	HQ9-GE11	4/6			
32	050611230628	Lê Thị Xuân	Mai	18/03/2005	HQ11-MAG04	4/6			
33	050611230631	Phạm Ngọc Phương	Mai	24/07/2005	HQ11-BAF08	4/6			
34	050611230634	Trương Thị Ngọc	Mai	02/08/2005	HQ11-BAF15	4/6			
35	050609210731	Nguyễn Huy	Mạnh	10/07/2003	HQ9-GE07		6.0		
36	050609210780	Lai Ngọc	My	30/11/2003	HQ9-GE01	4/6			
37	050609212051	Nguyễn Như Đông	Mỹ	25/11/2003	HQ9-GE04	4/6			
38	050611230702	Nguyễn Văn Hoài	Nam	23/01/2005	HQ11-MAG03	4/6			
39	050607190378	Lê Huyền	Ni	14/04/2001	HQ7-GE11	4/6			
40	050608200466	Ngô Bảo	Ngân	02/05/2002	HQ8-GE02	4/6			
41	050608200467	Nguyễn Hiếu	Ngân	08/07/2002	HQ8-GE17				820+280
42	050608200103	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/2002	HQ8-GE14	4/6			
43	050611230747	Phạm Thanh	Ngân	01/02/2005	HQ11-BAF11	4/6			
44	050610221145	Phan Hoàng Thảo	Nguyên	22/03/2004	HQ10-GE12	4/6			
45	050609212081	Hà Hải	Nguyệt	07/07/2003	HQ9-GE23	4/6			
46	050608200504	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	09/06/2002	HQ8-GE09			78	
47	050609211001	Dương Thị Yến	Nhi	27/06/2003	HQ9-GE04	4/6			
48	050608200521	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Nhi	15/04/2002	HQ8-GE05		5.5		
49	050610221188	Trần Thị Ngọc	Nhi	10/01/2004	HQ10-GE03	4/6			
50	050609211011	Nguyễn Yến	Nhi	22/10/2003	HQ9-GE12	4/6			
51	050609210974	Ngô Minh	Nhi	25/05/2003	HQ9-GE16	4/6			
52	050608200550	Trần Thanh	Như	01/09/2002	HQ8-GE03	4/6			
53	050609212134	Phạm Ngô An	Phú	27/06/2003	HQ9-GE24	4/6			
54	050609211160	Đặng Kiều Hoài	Phương	25/07/2003	HQ9-GE11		6.0		
55	030633170924	Lê Thị Ngọc	Phượng	30/01/1999	HQ5-GE06	4/6			
56	050609212152	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2003	HQ9-GE24	4/6			
57	050609211191	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	10/03/2003	HQ9-GE03	4/6			
58	050609212158	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	21/11/2003	HQ9-GE25	4/6			
59	050610220492	Đỗ Lê Xuân	Quỳnh	02/08/2004	HQ10-GE19				785+320
60	050609211231	Lê Thị Diễm	Quỳnh	13/07/2003	HQ9-GE25	4/6			
61	050609211230	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	18/04/2003	HQ9-GE25	4/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERTIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050609211277	Huỳnh Hiếu	Tâm	08/04/2003	HQ9-GE25	4/6			
63	050609211281	Thái Thanh	Tân	26/08/2003	HQ9-GE25	4/6			
64	050611231289	Nguyễn Thủy	Tiên	21/02/2005	HQ11-BAF17	4/6			
65	050611231283	Nguyễn Lê Thuỷ	Tiên	17/05/2005	HQ11-BAF07	4/6			
66	050611231296	Trần Thế	Tiến	30/09/2005	HQ11-MAG02	4/6			
67	050611231126	Lữ Thanh	Thanh	23/07/2005	HQ11-MAG05	4/6			
68	050607190473	Lê Thị Thu	Thảo	12/12/2001	HQ7-GE08	4/6			
69	050609212195	Nguyễn Thu	Thảo	15/04/2003	HQ9-GE17	4/6			
70	050607190495	Thượng Minh	Thuận	16/05/2001	HQ7-GE09	4/6			
71	050611231261	Nguyễn Hải Phương	Thùy	26/03/2005	HQ11-BAF04	4/6			
72	050609212223	Vũ Thái Phương	Thùy	06/03/2003	HQ9-GE17	4/6			
73	050607190497	Lê Minh	Thùy	07/01/2001	HQ7-GE08			67	
74	050610220574	Nguyễn Hoàng Phươn	Thùy	06/01/2004	HQ10-GE07	4/6			
75	050606180388	Phan Lê Phương	Thúy	20/10/2000	HQ6-GE12	4/6			
76	050609211401	Lê Trần Anh	Thư	10/06/2003	HQ9-GE07	4/6			
77	050609211422	Bùi Thị Minh	Thư	13/02/2003	HQ9-GE26	4/6			
78	050609212229	Đặng Thị Minh	Thư	06/12/2003	HQ9-GE02	4/6			
79	050611231278	Phan Lê Anh	Thy	21/09/2005	HQ11-BAF10	4/6			
80	050611231400	Nguyễn Thu	Trang	04/10/2005	HQ11-ACC02	4/6			
81	050609211602	Nguyễn Xuân	Trúc	13/02/2003	HQ9-GE27	4/6			
82	050609211597	Hoàng Thanh	Trúc	10/02/2003	HQ9-GE07	4/6			
83	050611231519	Hồ Phúc Tường	Vân	24/10/2005	HQ11-BAF16	4/6			
84	050608200196	Võ Tường	Vi	15/03/2002	HQ8-GE08	4/6			
85	050608200788	Từ Thị Nhật	Vy	26/04/2002	HQ8-GE15	4/6			
86	050608200779	Lê Uyên Khánh	Vy	19/05/2001	HQ8-GE04	4/6			
87	050610221560	Nguyễn Tường	Vy	22/11/2004	HQ10-GE22			72	
88	030336200328	Bùi Ngọc Thảo	Vy	01/02/2002	HQ8-GE04	4/6			
89	050609211736	Nguyễn Khả	Vy	06/09/2003	HQ9-GE18	4/6			
90	050610221568	Võ Gia Khả	Vy	23/02/2004	HQ10-GE23			77	

Total: 90 students